TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/3/2021
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Hồng Duy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Huệ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Q, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh K, vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống cuối cùng: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà L.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện nhận ngày 02/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Q trình bày:

Chị Q và anh K kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/11/2008. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2008, quyển số 01.

Trong thời gian chung sống, anh K và chị Q có 02 con chung; cháu A ; cháu B, Cháu B hiện cháu đang ở với chị Q. Cháu A đang học lớp 06, trường Trương V,

xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và đang do bà L nuôi ăn học. Cháu B học lớp 04, trường T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, các bên có lời lẽ xúc phạm nhau, ngoài ra anh K thường xuyên nhậu nhẹt và say xỉn, không chăm lo cho gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Đến tháng 04/2016, Anh K bỏ đi khỏi địa phương, từ đó không có tin tức gì đối với anh K. Bản thân chị Q đã tiến thành thủ tục kìm kiếm trên thông tin đại chúng nhưng không được. Đến năm 2019, chị Q đã tiến hành làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với Anh K. Đến ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh K, Quyết định số 07/2020/QĐST – DS, ngày 29/7/2020. Hiện tại chị Q không có tin tức gì về anh K.

Nay chị Q yêu cầu giải quyết: Xin được ly hôn với Anh K. Con chung: Nguyễn Thảo Qxin nuôi cháu A, cháu B và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Anh K: Qua xác minh, anh K đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 4/2016 cho đến nay và không có tin tức hoặc nơi sinh sống của anh K. Chị Q đã tự nhắn tin tìm kiếm anh K và có đơn yêu cầu tuyên bố mất tích. Ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 07/2020/QĐST – VDS về việc tuyên bố Anh K mất tích.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với Anh K theo quy định pháp luật tố tụng dân sự

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L: Bà L đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Trong biên bản giao nhận giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải vào ngày 08/1/2021, bà Linh đã ghi " *Tôi là L là chị gái của Anh K. Trong thời gian này tôi đang nuôi con của anh K là cháu A. Nay chị Q xin ly hôn thì tôi giao con cho chị Q có trách nhiệm với cháu để giáo dục cháu. Đề nghị Tòa án không triệu tập tôi nữa*"

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh K đã được tuyên bố mất tích tại Quyết định số 07/2020/QĐST – VDS, ngày 29/7/2020, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn và giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh K (chấm dứt quan hệ hôn nhân). Giao cháu cháu A, cháu B cho chị Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng, tài sản và công nợ do nguyên đơn không yêu cầu. Buộc Chị Q chịu án phí 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Q và bị đơn Anh K, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại và nơi sinh sống cuối cùng tại thôn Đ,xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Anh K: Anh K đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 04/2016 cho đến nay và không nắm được thông tin anh K đang sinh sống ở đâu. Ngoài ra, ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 07/2020/QĐST – VDS về việc tuyên bố Anh K mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh K tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh K đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L đã được Tòa án tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà L đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh K và bà Linh đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Như vậy, anh K và bà L phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Về hôn nhân: Chị Q và Anh K xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tự do đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/11/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2008. Do đó, hôn nhân giữa chị Q và anh K là hợp pháp.

[6] Về mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ngoài ra, Anh K bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 04/2016 cho đến nay và không có tín tức. Ngày 29/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã ban hành Quyết định số 07/2020/QĐST – VDS về việc yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh K. Từ những lý do nêu trên, chị Qlàm đơn xin ly hôn với anh K để giải phóng cho hạnh phúc gia đình không có.

[6.2] Như vậy, từ những ly do nêu trên, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn và cho chị Q được ly hôn với Anh K.

[7] Con chung: Chị Q có nguyện vọng được nuôi cháu A, cháu B. Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh K vắng mặt và không đưa ra quan điểm hoặc phản bác lại quan điểm của nguyên đơn về con cái.

Cháu B có nguyện vọng được ở với chị Q. Cháu A có nguyện vọng được ở với anh K. Tuy nhiên, anh K hiện không có mặt tại địa phương và đã bị tuyên bố mất nên không xem xét nguyện vọng của cháu A. Cháu A hiện đang ở và được bà L nuôi dưỡng. Tuy nhiên, bà Lđã từ chối việc nuôi dưỡng và giao cháu A chị Q nuôi dưỡng, đồng thời bà L đề nghị Tòa án không tiến hành triệu để làm việc.

Từ những lý do nêu trên, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao A và cháu B cho chị Q được quyền nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

[8] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không có, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[10] Án phí dân sự: Chị Q phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[11].Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điệu 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho chị Q ly hôn với Anh K (chấm dứt hôn nhân).

2. Về con chung: Giao cháu A, cháu B cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành. Anh K được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Q không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

2.1 Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu.

- Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84, 107, 110,116 Luật HNGĐ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003575 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đức Mạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy